**QŨY ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU DC (trước đây là QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VIỆT NAM)**

**MẪU VÀ GIẢI THÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Phần I: Mẫu báo cáo của Công ty quản lý quỹ**

**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**QUÝ II.2024**

**I. Thông tin chung về Quỹ**

**1. Mục tiêu của Quỹ:**

Phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ;

**2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ:**

Kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là **244,41 (%)** so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo (tại ngày 30 tháng 06 năm 2023); thay đổi giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ so với giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là **8,49(%)**.

**3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ:**

Chiến lược đầu tư cho quỹ DCBF (tiền thân là Quỹ VFMVFB) là năng động dựa trên cơ sở phân tích cơ bản kinh tế vĩ mô, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê hoặc phân tích cơ bản về doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục. Riêng đối với trái phiếu doanh nghiệp cần được phân tích ít nhất bằng một mô hình định mức tín nhiệm do đối tác hỗ trợ kỹ thuật và Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Dragon capital Việt Nam phát triển.

**4. Phân loại Quỹ:** Quỹ công chúng dạng mở

**5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ:** Không có

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao):**Thấp

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ:** Ngày 10/06/2013

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo** (Tại ngày 30/06/2024):

**.** Tổng giá trị tài sản ròng: 1.344.758.330.774 Việt Nam đồng

**.** Số lượng chứng chỉ quỹ: 51.214.112,04 chứng chỉ quỹ

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ:** Không có chỉ số tham chiếu

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ: Quỹ không phân phối lợi nhuận**

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ**: (ở thời điểm báo cáo (N)): không có

**II. Số liệu hoạt động**

1. **Cơ cấu tài sản quỹ (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **30/06/2024**  **(%)** | **30/06/2023**  **(%)** | **30/06/2022**  **(%)** |
| 1.Danh mục trái phiếu | 43,32% | 79,07% | 78,01% |
| 2.Tài sản khác | 56,68% | 20,93% | 21,99% |
| **Cộng** | **100%** | **100%** | **100%** |

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (N: Đến thời điểm báo cáo):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2024** | **30/06/2023** | **30/06/2022** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 1.344.758.330.774 | 390.448.103.421 | 814.536.621.585 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 51.214.112,04 | 16.131.652,86 | 35.259.224,52 |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) | 26.257,57 | 24.203,84 | 23.101,37 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 26.282,14 | 24.203,91 | 23.101,37 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 25.807,15 | 23.706,42 | 22.702,53 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2,9,Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | 1,75% | 2,27% | 2,01% |
| 2,9,1,Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 0,29% | 0,05% | -0,06% |
| 2,9,2,Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | 1,46% | 2,22% | 2,07% |
| 2,10,Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2,11,Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |
| 2,12,Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | Không có | Không có | Không có |
| 2,13,Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1,38% | 1,48% | 1,45% |
| 2,14,Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 133,00% | 180,56% | 115,55% |

● *Tốc độ vòng quay danh mục: Có thể thuyết minh những nhân tố ảnh hưởng,*

**3,Tăng trưởng qua các thời kỳ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)** |
| - 1 năm | 8,49% | 8,49% |
| - 3 năm | 22,19% | 6,91% |
| - Từ khi thành lập | 162,58% | 9,12% |
| - Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu | Không có chỉ số tham chiếu |

**4, Tăng trưởng hàng năm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **30/06/2024**  **(%)** | **30/06/2023**  **(%)** | **30/06/2022**  **(%)** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ | 8,49% | 4,77% | 7,50% |

*Ghi chú: Số liệu tăng trưởng cần phải phản ánh theo thời điểm có tính so sánh, Ví dụ tại thời điểm 31/12 thì các số liệu của các năm đưa vào biểu phải đảm bảo có tính so sánh là đều tại 31/12 hàng năm,*

**III, Mô tả thị trường trong kỳ:**

Trong 6 tháng đầu năm 2024, thị trường vàng đã có thời điểm tăng trưởng nóng, tạo áp lực lên các yếu tố vĩ mô; tuy nhiên, những áp lực trên thị trường vàng đã dần được tháo gỡ khi Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam tổ chức bán vàng qua các ngân hàng quốc doanh. Động thái này đã giúp ngăn tâm lý đầu cơ vàng cũng như tỷ giá, Các chỉ số vĩ mô đã thể hiện những tín hiệu tích cực. Tăng trưởng GDP đạt 6,9%, đánh dấu quý thứ 11 tăng trưởng liên tục, Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) tăng mạnh lên mức tích cực 54,7, cho thấy các điều kiện kinh doanh được củng cố đáng kể, Lạm phát giữ mức ổn định với mức tăng 4,34% so với cùng kỳ năm trước, Cán cân thương mại trở lại ấn tượng với mức thặng dư 11,63 tỷ USD tính từ đầu năm, Vốn đầu tư nước ngoài FDI cũng có những tín hiệu tích cực cả về số đăng ký mới lẫn số giải ngân, đạt tương ứng lần lượt 15,19 tỷ USD và 10,84 tỷ USD, đánh dấu mức tăng trưởng 13,1% và 8,2%.

Về góc độ điều hành chính sách, Việt Nam chủ trương giữ mặt bằng lãi suất chung ổn định với lãi suất cho vay phần lớn giữ nguyên không đổi so với cuối năm 2023 mặc dù lãi suất huy động nhìn chung đã tăng 0,5% đến 1% ở nhiều kỳ hạn khác nhau, Việc tiền Đồng mất giá gần đây so với đồng USD (4,8% tính từ đầu năm) có thể khiến các chính sách tiền tệ có tác động mờ nhạt, và làm tăng vai trò của các chính sách tài khóa trong nửa đầu năm 2024. Giải ngân đầu tư công vẫn chưa thể hiện được đúng vai trò, chỉ đạt 27,5% kế hoạch trong nửa đầu năm, đồng nghĩa với dư địa lớn cho việc giải ngân trong thời gian còn lại của năm, Bên cạnh đó, hàng loạt các chính sách tài khóa như việc duy trì giảm các loại thuế quan, tăng 30% đối với lương cơ bản, tăng 6% với lương tối thiểu đã và đang là động lực giúp gia tăng sức mua trong nửa cuối năm 2024.

A screenshot of a green and white table

Description automatically generated

Đối với Trái phiếu Chính phủ (TPCP), trong 6 tháng đầu 2024 có 111 đợt phát hành với tổng giá trị phát hành thành công đạt 156,502 nghìn tỷ đồng, đạt 39% kế hoạch phát hành cả năm với tỷ lệ trúng thầu bình quân 60%. Xu hướng tăng lãi suất trên thị trường sơ cấp và việc dư thừa thanh khoản trong hệ thống ngân hàng do khó khăn trong việc tăng trưởng tín dụng đã giúp thúc đẩy nhu cầu đối với TPCP, đặc biệt với kỳ hạn dài.

Trên thị trường thứ cấp, tổng khối lượng giao dịch thông tường (Outright) trong 6 tháng đạt mức cao 802,40 nghìn tỷ đồng, tương đương 6,54 nghìn tỷ đồng/ ngày và tăng 81% so với cùng kỳ năm trước. Khối lượng giao dịch mua bán lại (REPO) cũng nằm ở mức cao, tăng 82% so với tháng trước lên mức 429,87 nghìn tỷ đồng, phản ánh sự gia tăng nhu cầu đối với TPCP trên thị trường thứ cấp khi lãi suất quay về mức hợp lý,

Quý 2/2024, đặc biệt là tháng 6, quãng thời gian ghi nhận sự tăng trưởng trở lại của việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) sau Quý 1/2024 có phần trầm lắng. Trong tháng đã có 30 đợt phát hành riêng lẻ và 3 đợt phát hành ra công chúng với tổng giá trị đạt 42,1 nghìn tỷ đồng, tăng 150% so với số liệu báo cáo và 41% so với giá trị được cập nhật vào tháng 5 (đã có 15 trái phiếu cùng tổng giá trị 13,15 nghìn tỷ đồng được báo cáo bổ sung). Sự hồi phục này được dẫn dắt bởi nhóm ngành ngân hàng, với 24 TPDN đạt tổng giá trị 38,47 nghìn tỷ đồng, tương ứng 91% tổng khối lượng phát hành mới trong tháng, Điều này đánh dấu sự trở lại mạnh mẽ của nhóm phát hành lớn nhất trong năm 2023 và đồng thời gia tăng nguồn cung trên thị trường sơ cấp. Tính từ đầu năm, có 112 TPDN mới phát hành với tổng giá trị đạt 118,05 nghìn tỷ đồng, tương đương 40% tổng lượng phát hành trong năm 2023, Nhóm ngành ngân hàng đã vượt lên vị trí dẫn đầu, đóng góp 62% giá trị phát hành mới, Kế đến là nhóm ngành bất động sản với 26% và nhóm ngành xây dựng với 4% tổng giá trị phát hành, Các ngành khác bao gồm vận tải, dịch vụ tiêu dùng, chứng khoán … đóng góp 8% còn lại.

Về góc độ phát triển thị trường, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm đã và đang rất năng động trong việc đưa ra các xếp hạng tín nhiệm đầu tiên đối với tổ chức phát hành và TPDN. Điều này được kỳ vọng là một trong những yếu tố then chốt, giúp thay đổi chất lượng thị trường TPDN, Với sự khởi đầu khả quan trong quý 2, thị trường TPDN được kỳ vọng sẽ ấm dần trong các tháng tiếp theo của năm.

A green and white chart

Description automatically generated

**IV, Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của quỹ**:

**4,1 Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | 1 năm đến thời điểm báo cáo (%) | 3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%) | Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%) |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | 4,04% | 12,58% | 74,96% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | 4,45% | 9,60% | 87,62% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | 8,49% | 22,19% | 162,58% |
| Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ | 8,49% | 6,91% | 9,12% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu | Không có | Không có | Không có |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ | Không có | Không có | Không có |

Thay đổi giá trị tài sản ròng,

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **30/06/2024** | **30/06/2023** | **Tỷ lệ thay đổi** |
| A | 1 | 2 | 3=((1)-(2))/(2) |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 1.344.758.330.774 | 390.448.103.421 | 244,41% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 26.257,57 | 24.203,84 | 8,49% |

Kèm theo thuyết minh về sự tăng giảm quy mô Quỹ, giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị chứng chỉ quỹ và chỉ rõ nguyên nhân:

Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2024, giá trị tài sản ròng của đơn vị quỹ DCBF (NAV/CCQ) ở mức 26,257,6 đồng tăng 3,42% so với cuối năm 2023. Mức tăng trưởng của quỹ tích lũy 6 tháng đầu năm 2024 cao hơn mức tăng trưởng của lãi suất tiền gửi 12 tháng trung bình của 4 ngân hàng lớn nhất (2,38%), Tổng giá trị tài sản ròng và tổng tài sản của quỹ tại thời điểm 30/06/2024 tương ứng là 1,344,8 và 1,355,1 tỷ đồng.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, quỹ DCBF thực hiện một số giao dịch mua bán các trái phiếu doanh nghiệp (TPDN), chứng chỉ tiền gửi (CCTG) và trái phiếu chinh phủ (TPCP). Tại thời điểm 30/06/2024, khoản đầu tư vào TPDN, chiếm tỷ trọng lớn nhất danh mục quỹ ở mức 44,5%, trong đó khoảng 19% là trái phiếu doanh nghiệp kỳ hạn dưới 1 năm; tiếp đến là khoản tiền mặt và tiền gửi ngân hàng với tổng tỷ trọng 32,9%, và khoản đầu tư chứng chỉ tiền gửi chiếm 22,6%. Kỳ hạn trung bình còn lại của danh mục khoảng 0,8 năm, trong đó kỳ hạn trung bình của trái phiếu là 1,3 năm

**4,2, Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo (tại thời điểm gần nhất):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Quy mô nắm giữ (Đơn vị) | Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ | Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
| A | 1 | 2 | 3 |
| Dưới 5000 | 10.613 | 2.859.502,18 | 5,58% |
| Từ 5000 - 10,000 | 195 | 1.400.707,92 | 2,73% |
| Từ 10,000 đến 50,000 | 382 | 9.334.162,18 | 18,23% |
| Từ 50,000 đến 500,000 | 174 | 22.071.341,81 | 43,10% |
| Trên 500,000 | 11 | 15.548.397,95 | 30,36% |
| **Tổng cộng** | **11.375** | **51.214.112,04** | **100,00%** |

*Ghi chú: Trình bày tình hình nắm giữ Chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư từ ít nhất đến nhiều nhất,*

**5,** **Chi phí ngầm và giảm giá**

Không có

**V, Thông tin về triển vọng thị trường:**

Đối với TPCP, với mức chênh lệch lãi suất giữa USD và VND trên thị trường liên ngân hàng vẫn nằm ở mức cao và có khả năng tiếp tục duy trì do chính sách tiền tệ của Mỹ, cũng như việc tăng giá của đồng USD trên thị trường thế giới, NHNN chịu áp lực trong việc tăng lãi suất, và tạo điều kiện cho xu hướng tăng của lãi suất TPCP trong thời gian tới.

Đối với TPDN, trong Quý 1/2024, thị trường có dấu hiệu trầm lắng khi mà lượng phát hành mới nằm ở mức thấp, Nguyên nhân của sự trầm lắng này là do ảnh hưởng mang tính vụ mùa của kỳ nghỉ Tết và báo cáo năm tài chính. Tuy nhiên, trong Quý 2/2024, thị trường ghi nhận sự tăng trưởng trở lại với sự sôi động của việc phát hành trái phiếu dẫn dắt bởi nhóm ngành ngân hàng. Trong nửa cuối 2024, thị trường có khả năng tiếp tục sôi động trong thời gian tới khi tín dụng được đẩy mạnh và nền kinh tế dần phục hồi.

Về góc độ phát triển thị trường, các tổ chức xếp hạng tín nhiệm đã và đang rất năng động trong việc đưa ra các xếp hạng tín nhiệm đầu tiên đối với tổ chức phát hành và TPDN. Điều này được kỳ vọng là một trong những yếu tố then chốt, giúp thay đổi chất lượng thị trường TPDN, Với sự khởi đầu khả quan trong quý 2, thị trường TPDN được kỳ vọng sẽ ấm dần trong các tháng tiếp theo của năm.

**VI, Thông tin khác**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ

Thông tin gồm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm** | **Họ tên** | **Chức vụ** | **Trình độ** | **Kinh nghiệm** |
| Nhân sự điều hành Quỹ | Lương Thị Mỹ Hạnh | Giám đốc Quản lý tài sản – Khối trong nước | Thạc sỹ Kinh tế | - Từ 2010 đến 12/03/2021: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam.  - Từ 12/03/2021 đến nay: Giám đốc Quản lý tài sản, Khối trong nước của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam. |
| Bùi Minh Long | Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư | Thạc sỹ Tài chính | - Từ 01/07/2020 đến 31/12/2020: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam.  - Từ 01/01/2021 đến nay: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam. |
| Ban Đại diện Quỹ | Nguyễn Bội Hồng Lê | Chủ tịch | Thạc sỹ Quản trị kinh doanh | - Từ năm 2010 đến năm 2012: Trưởng phòng Giao dịch chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí;  - Từ năm 2012 đến 2020: Chuyên gia Kinh tế và Quản lý dầu khí Viện Dầu khí Việt Nam.  - Từ năm 2020 đến nay: Hưu trí |
| Lê Thị Thu Hương | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | - 2012: Giám đốc công ty Hợp danh kiểm toán FA  - Từ 2013 đến 2016: Phó Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín;  - Từ 2017 đến 2019: Giám đốc chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Đại Tín;  - Từ năm 2020 đến nay: Sáng lập viên và Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán Chuẩn Vàng. |
| Phạm Thị Thanh Thúy | Thành viên | Luật sư | - Từ năm 2010 đến ngày 31/12/2020: Trưởng phòng Pháp chế tuân thủ của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam;  - Từ ngày 1/1/2021 đến nay: Luật sư tư vấn nội bộ của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam. |
| Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ | Beat Schurch | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ Kinh tế | - 8/ 1996 - 7/ 2002: DKSH Vietnam, Giám đốc phụ trách thị trường Việt Nam, Campuchia   * 12/ 2002 - 2/ 2004: Lanamatic Asia, Đại diện thường trú tại Thái Lan * 3/ 2004 - 8/ 2006: Synovate Thailand, Trưởng bộ phận tư vấn kinh doanh * 9/2006 - 3/ 2009: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc Tài chính * 4/ 2009 - 1/ 2010: Indochina Capital Vietnam: Giám đốc điều hành, bộ phận Vốn cổ phần * 3/ 2010 - 3/ 2011: Dragon Capital Group: Giám đốc, phụ trách vận hành * 4/ 2011 - 12/ 2016: VPĐD Dragon Capital Group Ltd tại Tp HCM: Trưởng Đại diện * 12/ 2016 - 12/ 2020: VPĐD Dragon Capital Management (HK) Ltd tại Tp HCMC: Trưởng đại diện * 12/ 2020 - nay: Tổng Giám đốc, công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam |

|  |  |
| --- | --- |
| *Tp HCM, ngày 17 tháng 07 năm 2024* **Quyền Giám đốc nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư**  **Lê Hoàng Anh** |  |